Bài 2: Dấu

Thứ Hai: Ôn Bài
(Ôn lại các dấu cho các em.)

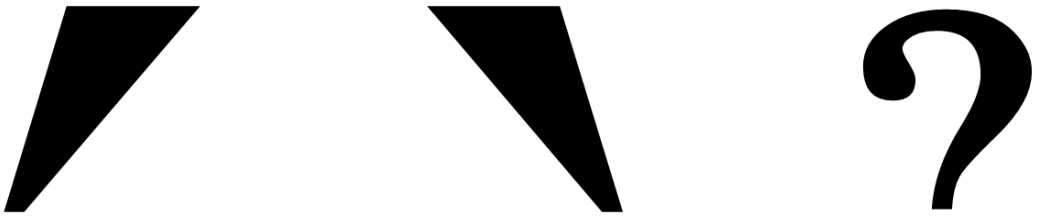

sắc ***huyền*** ***hỏi***

ngã ***nặng***

Đánh Vần

(Giúp các em tập đánh vần những từ sau đây.)

a	á	à	ả	ã	ạ
ba	bá	bà	bả	bã	bạ
ca	cá	cà	cả	cã	cạ
ô	ố	ồ	ổ	ỗ	ộ
bô	bố	bồ	bổ	bỗ	bộ
cô	cố	cồ	cổ	cỗ	cộ

Đánh Vần
(Giúp các em đánh vần những từ sau đây.)

◤ *chó*

◤ *vớ*

◤ *ghế*

◤ *té*

◤ *cú*

◤ *ký* 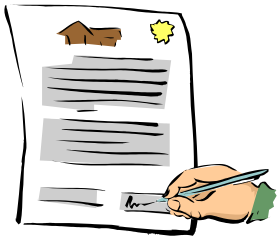

Đánh Vần
(Giúp các em đánh vần những từ sau đây.)

\ mì

\ gà

\ nhà

\ cờ

\ quà

\ mù

Đánh Vần
(Giúp các em đánh vần những từ sau đây.)

?	*khỉ*	
?	*hổ*	
?	*phở*	
?	*ngủ*	
?	*thỏ*	
?	*cỏ*	

Đánh Vần
(Giúp các em đánh vần những từ sau đây.)

~	*Mỹ*	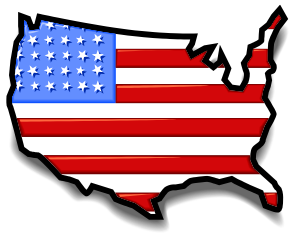
~	*gõ*	
~	*tã*	
~	*lễ*	
~	*ngã*	
~	*rõ*	

Đánh Vần
(Giúp các em đánh vần những từ sau đây.)

- *cọ*

- *tạ* 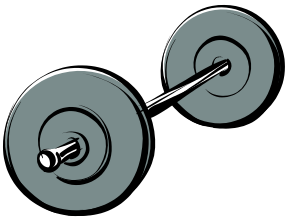

- *sợ*

- *chợ*

- *nụ*

- *mộ*

Thêm Dấu

(Đọc các từ ở trang P-2 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

co

phơ

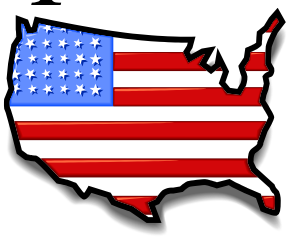

mi

My

cho

tho

Thứ Ba: Từ Thông Dụng

Từ Thông Dụng	**High Frequency Words**
đi	go
đi về	return (go home)
đi học	go to school
đi làm	go to work
đi chợ	go to the market
đi bộ	walk
đi bộ về nhà	walk home
ăn	eat
ăn cơm	eat rice, eat lunch/dinner
ăn phở	eat noodle soup
bị	got
bị té	fell
bị phạt	got punished
có	have
cho	give, for
cho quà	give a present
Ngữ Vựng	**Vocabulary**
áo	shirt
đẹp	beautiful

Chuyển Ngữ

(Cho các em đọc các câu sau đây 3 lần. Sau đó cho các em dịch qua tiếng Anh.)

1. Em đi bộ về nhà.

   _____

2. Em ăn phở.

   _____

3. Bé Tí bị té.

   _____

4. Em có áo đẹp.

   _____

5. Mẹ cho bé quà.

   _____

Bảng Từ Thông Dụng

(Cho các em đọc những từ sau đây. Đánh dấu vào những từ các em có thể đọc được.)

a	***ă***	***â***	***b***	***c***	***ch***	***d***	***đ***
	ăn		***bé*** ***bị***	***có***	***cho***		***đi***
e	***ê***	***g***	***gh***	***gi***	***h***	***i***	***k***
em							
kh	***l***	***m***	***n***	***ng***	***ngh***	***nh***	***o***
		mẹ					
ô	***ơ***	***ph***	***qu***	***r***	***s***	***t***	***th***
tr	***u***	***ư***	***v***	***x***	***y***		
			và ***về***				

Thứ Tư: Ngữ Vựng

Số	**Numbers**
không	zero
một	one
hai	two
ba	three
bốn	four
năm	five
sáu	six
bảy	seven
tám	eight
chín	nine
mười	ten
mười một	eleven
mười hai	twelve
mười lăm	fifteen
hai mươi	twenty
hai mươi mốt	twenty one
hai mươi hai	twenty two
hai mươi lăm	twenty five
một trăm	one hundred
một trăm lẻ một	one hundred one
một trăm lẻ hai	one hundred two
một trăm mười một	one hundred eleven
một ngàn	one thousand
một triệu	one million
một tỷ	one billion

Ngữ Vựng

7	15	21
❶ _____	❷ _____	❸ _____
48	63	109
❹ _____	❺ _____	❻ _____
204	481	1314
❼ _____	❽ _____	❾ _____

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau đây.)

1. Năm nay em bao nhiêu tuổi?

   _____

2. Em sinh năm nào?

   _____

3. Em đang học lớp mấy?

   _____

4. Số nhà của em là số mấy?

   _____

5. Số điện thoại của bố em là số mấy? (Viết từng số một, thí dụ, chín bảy hai …)

   _____

Chọn Từ
(Giúp các em chọn từ cho đúng.)

_____ 1. Mười lăm.	A. 9
_____ 2. Tám mươi sáu.	B. 15
_____ 3. Một trăm năm mươi mốt.	C. 42
_____ 4. Bốn mươi hai.	D. 86
_____ 5. Chín.	E. 151

Điền Vào Chỗ Trống
(Giúp các em điền vào chỗ trống với những từ sau đây.)

ba mươi lăm, mười bảy, không, sáu, tám

1. _____ Tám cộng chín.
2. _____ Một trừ một.
3. _____ Mười trừ hai.
4. _____ Năm nhân bảy.
5. _____ Năm mươi bốn chia chín.

Đúng hay Sai
(Giúp các em chọn "đúng" hay "sai" cho những câu sau đây.)

	Đúng	**Sai**
1. Giữa số bốn và số sáu là số năm.	☐	☐
2. Số ba mươi lăm lớn hơn số hai mươi bốn.	☐	☐
3. Số bảy đứng sau số tám.	☐	☐
4. Kế tiếp số chín mươi chín là số một trăm.	☐	☐
5. Số mười là số đầu tiên khi đếm từ một tới mười.	☐	☐

Thứ Năm: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Thầy hỏi Long về gia đình của Long…

Thầy: Gia đình em có bao nhiêu người?
Your family has how many people?

Long: Dạ, gia đình em có tám người. Em có năm anh chị em.
My family has eight people. I have five brothers and sisters.

Thầy: Em là con thứ mấy?
What child are you?

Long: Dạ, em là con thứ năm. Em có một anh cả, ba chị gái và một em trai.
I am the fifth child. I have an oldest brother, three older sister and a younger brother.

Thầy: Năm nay bố em bao nhiêu tuổi?
How old is your dad this year?

Long: Dạ, bố em năm nay đã được sáu mươi lăm tuổi.
My dad is already sixty-five year-old.

Thầy: Sáu mươi lăm tuổi?!
Sixty-five year-old?!

Long: Ồ, em lộn. Bố em chỉ mới bốn mươi lăm tuổi thôi.
Oh, I made a mistake. My dad is just forty-five year-old.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Gia đình Long có bao nhiêu người?

   _____

2. Long có bao nhiêu người anh?

   _____

3. Long có bao nhiêu người chị?

   _____

4. Long có bao nhiêu người em?

   _____

5. Long là con thứ mấy?

   _____

Chuyển Ngữ
(Cho các em dịch những câu sau đây qua tiếng Việt)

My family has five people.

I am eight year-old.

I am the third child.

I have two older brothers.

My oldest brother is twelve year-old.

Thứ Sáu: Đọc Truyện

(Đọc trước cho các em nghe vài lần. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

Xuống Xe

Con chó xuống xe.

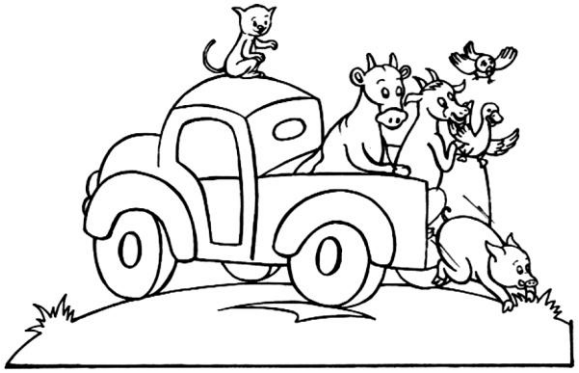

Con heo xuống xe.

Con chim xuống xe.

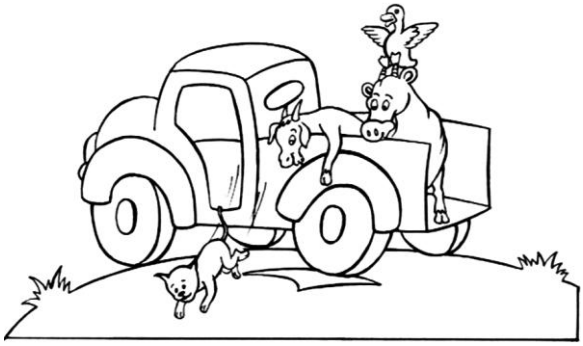

Con mèo xuống xe.

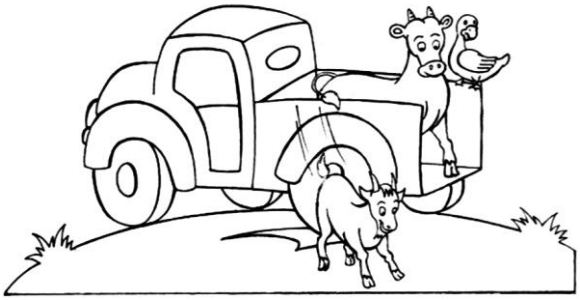

Con dê xuống xe.

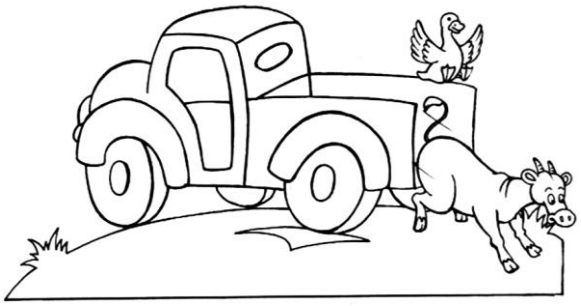

Con bò xuống xe.

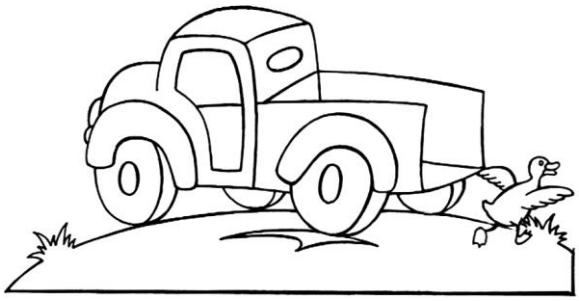

Con vịt xuống xe.

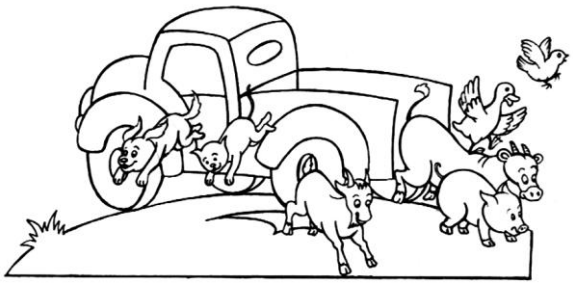

Các con vật xuống xe.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Con gì xuống xe đầu tiên?
    a. Con chó.
    b. Con mèo.
    c. Con vịt.
2. Con gì xuống xe cuối cùng?
    a. Con chó.
    b. Con mèo.
    c. Con vịt.
3. Con gì xuống xe trước con bò?
    a. Con mèo.
    b. Con dê.
    c. Con vịt.
4. Con gì xuống xe sau con bò?
    a. Con mèo.
    b. Con dê.
    c. Con vịt.
5. Con gì nhỏ nhất?
    a. Con bò.
    b. Con dê.
    c. Con chim.

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____